**Phần thứ nhất  
LUẬT BIÊN PHÒNG VIỆT NAM**

***Câu hỏi 1:* Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào và thay thế văn bản quy phạm pháp luật nào?**

Trả lời:

1. Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 số 66/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 11 tháng 11 năm 2020 và được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố tại Lệnh số 11/2020/L-CTN ngày 25 tháng 11 năm 2020.
2. Tại khoản 1 Điều 36 Luật Biến phòng Việt Nam quy định: Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 có hiệu lực thi hàhh từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.
3. Tại khoản 2 Điều 36 Luật Biên phòng Việt Nam quy định: Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng số 02/1997/PL-UBTVQH9 hết hiệu lực kể từ ngày Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 có hiệu lực thi hành.

***Câu hỏi2*Biên phòng Việt Nam điều chỉnh những nội dung nào?**

Trả lời:

Tại Điều 1 Luật Biên phòng Việt Nam quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: Luật này quy định chính sách, nguyên tắc, nhiệm vụ, hoạt động biên phòng, lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng; bảo đảm biên phòng và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân về biến phòng.

***Câu hỏi 3:* Chính sách của Nhà nước trong giải quyết các vấn đề biên giới quôc gia theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Khoản 2 Điều 3 Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020 quy định chính sách của Nhà nước trong giải quyết các vấn đề biên giới quốc gia như sau:

Giải quyết các vấn đề biên giới quốc gia bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích chính đáng của nhau, phù hợp vói Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

*Câu hỏi 4:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, thế trận biên phòng toàn dân được hiểu đúng như thế nào trong các trường hợp sau đây?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Khả năng về nhân lực, vật lực, tài chính, tĩnh thần ở trong nước và ngoài nước có thê huy động đê thực hiện nhiệm vụ quôc phòng. |
| B | Sức mạnh biển phòng của đất nước, được xây dựng trên nền tảng chính trị, tinh thần và các nguồn lực với phương châm toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự cường. |
| c | Việc tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng và các nguồn lực cần thiết để |
|  | thực hiện nhiệm vụ biến phòng phù hợp với Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia. |

*Trả lởi:* Phương án c (khoản 3 Điều 2 Luật BPVN).

***Câu hỏi 5:* Chính sách của Nhà nước về biên phòng được quy định như the nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lởỉ:

Tại Điều 3 Luật Biến phòng Việt Nam năm 2020, chính sách của Nhà nước về biên phòng được quy định gồm 07 nội dung sau:

1. Thực hiện chính sách độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, ổn định lâu dài với các nước có chung đường biên giói; mở rộng hợp tác quốc tế, đối ngoại quốc phòng, an ninh, đối ngoại biên phòng và đối ngoại nhân dân.
2. Giải quyết các vấn đề biên giới quốc gia bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, lợi ích chính đáng của nhau, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
3. Sử dụng các biện pháp chính đáng, thích hợp để bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cựa Tổ quốc.
4. Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia toàn dân vững mạnh, rộng khắp, Nhân dân là chủ thể, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt.
5. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; ưu tiên nguồn lực đầu tư, hiện đại hóa các công trình biến giới, phát triển kinh tế, vãn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, đối ngoại ở khu vực biên giới.
6. Huy động các nguồn lực của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.
7. Khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thân cho thực hiện nhiệm vụ biên phòng trên nguyên tãc tự nguyện, không trái với pháp luật Việt Nam và phù họp với pháp luật quốc tế.

*Câu hỏi 6:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, vành đai biên giới được hiểu là?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Phần lãnh thổ từ đường biên giới quốc gia trở vào, được thiết lập nhằm quản lý, kiểm soát các hoạt động của người, phương tiện trong vành đai biên giới; duy trì an ninh, trật tự và phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật; nơi hẹp nhất 100 m, nơi rộng nhất không quá 1.000 m, trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quy định. |
| B | Phần lãnh thổ từ đường biên giới quốc gia trên đất liền trở vào từ 100 m đến 1.000 m do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia |
|  | quyết định, trường họp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định. |
| c | Phần lãnh thổ từ đường biên giới quốc gia trở vào từ 100 m đen 1.000 m do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố Trực thuộc Trung ương nơi có biên giới quốc gia quyết định, trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định. |

*Trả lài:* Phương án B (khoản 4 Điều 2 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 7:* Nguyên tắc thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định như thế nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Tại Điều 4 Luật Biến phòng Việt Nam quy định 4 nguyên tắc thực thi nhiệm vụ biên phòng, gồm:

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biên giới quốc gia của các nước.
2. Đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước.
3. Phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, hệ thống chính trị, dựa vào Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân.
4. Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quôc phòng, an ninh; kêt hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, phát triển kinh tế, văn hỏa, xã hội, khoa học, công nghệ, đối ngoại ở khu vực biên giới.

***Câu hỏi 8:* Luật Biên phòng Việt Nam quy định có bao nhiêu nhiệm vụ biên phòng? Nhiệm vụ về *“xây dựng nền biên phòng toàn dân”* được quy định cụ thể như thế nào?**

Trả lời:

Tại Điều 5 Luật Biên phòng Việt Nam quy định 7 nhiệm vụ biên phòng. Nhiệm vụ về ***“xây dựng nền biên phòng toàn dân ”*** được quy định cụ thể tại khoản 5 như sau:

***“5. Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân trong nền quốc phòng toàn dần, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện biên giới, phòng thủ dân sự; phòng, chẳng, ứng phó, khắc phục sự co, thiên tai, thảm họa, biến đoi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên gỉớỉ”.***

***Câu hỏi 9:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, nội dung nào dưới đây là một trong những nhiệm vụ biên phòng?**

Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia

|  |  |
| --- | --- |
|  | trên các vùng biển, đảo của Việt Nam. |
| B | Phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với tăng cường và củng cố quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở khu vực biên giới. |
| c | Bảo vệ chế độ chính trị và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. |

*Trả lời:* Phương án B (khoản 4 Đỉều 5 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 10:* Lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng bao gồm những thành phần nào?**

Trả lời:

Tại Điều 6 Luật Biên phòng Việt Nam quy định lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng gồm:

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân ở khu vực biến giới, cửa khẩu.
2. Cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản lý của cơ quan, tồ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân ở KVBC, cửa khẩu.

*Câu hỏi 11:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng được hiểu là?

|  |  |
| --- | --- |
| A | BỘ đội Biên phòng. |
| B | Lực lượng vũ trang nhân dân, chính quyền và Nhân dân ở khu vực biên giới. |
| C | Cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân ở khu vực biên giới, cửa khẩu và cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân ở khu vực biên giới. |

*Trả lời:* Phương án c (Điều 6 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 12:* Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lởi:

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng như sau:

1. Cơ quan, tổ chức, công dân có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng thực hiện nhiệm vụ.
2. Công dân ở khu vực biên giới có trách nhiệm tham gia xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân và các phong trào bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khâu.

***Câu hỏi 13:* Chế độ, chính sách của cư quan, tổ chức, công dân tham gia, phối họp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Tại khoản 3 Điều 7 Luật Biên phòng Việt Nam quy định về chế độ, chính sách của cơ quan, tổ chức, công dân tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng như sau:

“3. ***Cơ quan, tổ chức, công dân tham gỉa, phốỉ hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thỉ nhiệm vụ biên phòng có thành tỉch thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tốn hại về danh dự, nhân phẩm thỉ được khôi phục; người bị thương tích, tổn hợi sức khỏe, tỉnh mạng thì bản thân hoặc gia đĩnh được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật”.***

*Câu hỏi 14:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, ai có trách nhiệm tham gia, phối hợp, cộng tác, giúp đỡ lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng thực hiện nhiệm vụ?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Cơ quan, tổ chức, công dân. |
| B | Cơ quan, tổ chức, cá nhân. |
| c | Cơ quan, tổ chức, công dân ở khu vực biên giới. |

*Trả lời:* Phương án A (khoản 1 Điều 7 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 15:* Các hành vi bị nghiêm cấm về biên phòng theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lởi:

Điều 8 Luật Biên phòng Việt Nam quy định 07 hành vi bị nghiêm cấm, cụ thế như sau:

1. Xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ quốc gia; phá hoại, gây mất ổn định an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu.
2. Sử dụng hoặc cho sử dụng khu vực biên giới của Việt Nam để chống phá, can thiệp vào nước khác; đe dọa sử dụng hoặc sử dụng vũ lực trong quan hệ biên giới.
3. Giả danh cơ quan, tổ chức, người thực thi nhiệm vụ biên phòng; chổng lại, cản trở, trả thù, đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phâm người thực thi nhiệm vụ biên phòng.
4. Mua chuộc, hối lộ, dụ dỗ, lôi kéo hoặc ép buộc người thực thi nhiệm vụ biên phòng làm trái quy định của pháp luật.
5. Lợi dụng, lạm dụng việc thực thi nhiệm vụ biên phòng để vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
6. Phân biệt đối xử về giới, chia rẽ, kỳ thị dân tộc, chủng tộc, quốc tịch, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hóa trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.
7. Sản xuất, sử dụng, mua bán, trao đổi, vận chuyển, phát tán thông tin, hình ảnh sai lệch về chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia.

*Câu hỏi 16:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, hành vi nào dưới đây là một trong các hành vi bị nghiêm cấm về biên phòng?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Làm cạn kiệt nguồn nước, gây ngập úng, gây ô nhiễm môi trường, xâm phạm tài nguyên thiên nhiên và lợi ích quốc gia. |
| B | Chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, Nhân dân, Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp xấy dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| c | Sản xuất, sử dụng, mua bán, trao đổi, vận chuyển, phát tán thông tin, hình ảnh sai lệch về chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia. |

*Trả lời:* Phương án c (khoản 7 Điều 8 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 17:* Nội dung cơ bản xây dựng nền biên phòng toàn dân được quy định trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Biên phòng Việt Nam quy định 5 nội dung cơ bản xây dựng nền biên phòng toàn dân, gồm:

1. Xây dựng, tổ chức thực hiện Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực phòng thủ, phòng thủ dân sự và kế hoạch phòng thủ ở khu vực biên giới.
2. Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở khu vực biên giới.
3. Xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần, quân sự, an ninh, đối ngoại, kinh tế, vãn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ biên phòng.
4. Xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia toàn dân vững mạnh, rộng khắp; xây dựng Bộ đội Biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng lển hiện đại.
5. Xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giói, cửa khẩu.

***Câu hỏi 18:* Nội dung cơ bản xây dụng the trận biên phòng toàn dân được quy định trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 9 Luật Biên phòng Việt Nam quy định 4 nội dung cơ bản xây dựng thế trận biên phòng toàn dân, gồm:

1. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, bố trí các cụm dân cư đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế “ xã hội, quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới;
2. Xây dụng công trình phòng thủ liên hoàn, vững chắc; tố chức, bố trí lực lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ biên phòng;
3. Phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, lực lượng phát huy sức mạnh tổng hợp, kịp thời xử lý các tình huống ở biển giới, khu vực biên giới;
4. Tổ chức Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ biên phòng.

*Câu hỏi 19:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, một trong những nội dung xây dựng nền biên phòng toàn dân là?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Tổ chức Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ biên phòng. |
| B | Xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở khu vực biên giới. |
| c | Xây dựng công trình phòng thủ liên hoàn, vững chắc; tổ chức, bố trí lực lượng đáp ứng yêu câu nhiệm vụ biên phòng. |

*Trả lời:* Phương án B (đỉểm b khoản 1 Điều 9 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 20:* Phạm vi phối họp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định như thê nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Phạm vì phối hợp thực thi nhiệm vụ Biên phòng được quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Biên phòng Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối họp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương câp tỉnh thực hiện quản lý, bảo vệ biên giới quôc gia, duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu;
2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, chính quyền địa phương cấp tỉnh, cơ quan, tô chức có liên quan thực thi nhiệm vụ biên phòng;
3. Chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia, trong phạm vi nhiệm vụ, quyên hạn của mình, chủ trì, phôi hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương, cơ quan, tô chức có liên quan thực thi nhiệm vụ biên phòng;
4. Chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã nơi có biên giới quốc gia, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với địa phương, cơ quan, tô chức có liên quan thực thi nhiệm vụ biên phòng.

***Câu hỏi 21:* Nguyên tắc phối hợp thực thi nhỉệm vụ biên phòng được quy định như thế nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Nguyên tắc phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Biên phòng Việt Nam, cụ thể như sau:

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, địa bàn hoạt động của lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng theo quy định của pháp luật; không làm cản trở hoạt động hợp pháp của cơ quan, tô chức, cá nhân.
2. Bảo đảm điều hành tập trung, thống nhất theo quy định của pháp luật.
3. Chủ động, linh hoạt, bí mật, kịp thời, hiệu quả và gắn với trách nhiệm của người đứng đầu;
4. Trên cùng một địa bàn, khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan, tổ chức, lực lượng thì cơ quan, tổ chức, lực lượng nào phát hiện trước phải xử lý theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thâm quyên của mình thi xử lý ban đâu, chuyển giao hồ sơ, người, tang vật, tàu thuyền và phương tiện vi phạm pháp luật cho cơ quan, tổ chức, lực lượng có thẩm quyền chủ trì giải quyết. Cơ quan, tổ chức, lực lượng tiếp nhận có trách nhiệm thông báo kết quả điều tra, xử lý cho cơ quạn, tổ chức, lực lượng chuyển giao biết.

***Câu hỏi 22:* Nội dung phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định như thế nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Nội dung phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Biên phòng Việt Nam như sau:

1. Trao đổi thông tin, tài liệu; đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng chính sách, pháp luật về biên phòng.
2. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý các tình huống về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiêm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới, cửa khâu.
3. Xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh ở khu vực biên giới.
4. Xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách.
5. Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ và kỹ năng chuyên môn cho lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng.
6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở khu vực biên giới.
7. Thực hiện các hoạt động phối họp khác có liên quan.

***Câu hỏi 23:* Nguyên tắc phân định thẩm quyền xử lý trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng giữa các lực lượng khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới?**

Trả lời:

Nguyên tắc phân định thẩm quyền xử lý trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng giữa các lực lượng khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Luật Biên phòng Việt Nam như sau: ***“Trên cùng một địa bàn, khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật ỉỉên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của nhiều cơ quan, tổ chức, lực lượng thì cơ quan, tổ chức, lực lượng nào phát hiện trước phảỉ xử lỷ theo thẩm quyền do pháp luật quy định; trường hợp vụ việc không thuộc thẩm quyền của mình thì xử lý ban đầu, chuyển giao hẻ sơ, người, tang vật, tàu thuyền và phương tiện vỉ phạm pháp luật cho cơ quan, tổ chức, lực lượng cỏ thắm quyền chủ trĩ giải quyết. Cơ quan, tố chức, lực lượng tiếp nhận có trách nhiệm thông báo kết quả Điều tra, xử lý cho cơ quan, tể chức, lực lượng chuyển giao biết”.***

***Câu hỏi 24:* Các trường hợp được hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giói, khu vực biên giói, qua lại biên gió’i tại cửa khẩu, lối mở biên giói đất liền?**

Trả lòi:

Tại khoản 1 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam quy định các trường hợp được hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giói đất liền, gồm:

1. Xảy ra tranh chấp về biên giới lãnh thổ; xung đột vũ trang; địch xâm nhập; hoạt động khác đe dọa đến chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia.
2. Xảy ra bạo loạn, khủng bố, bắt cóc con tin, truy bắt tội phạm có vũ khí.
3. Ngăn chặn thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh lan truyện qua biên giới.
4. Khi có đề nghị hoặc thông báo của Chính phủ, chính quyền địa phương hoặc lực lượng quản lý, bVBG của nước có chung đường biên giới về hạn chế hoặc tạm dùng qua lai biên giới.

***Câu hỏi 25:* Các hoạt động bị hạn chế hoặc tạm dừng ở vành đai biên giới, khu vực biên giói, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền?**

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam quy định các hoạt động bị hạn chế hoặc tạm dừng ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền, cụ thể như sau:

1. Trong vành đai biên giới: ra, vào vành đai biên giới, khu vực có dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, nguy cơ thiên tai xảy ra; họp chợ, tổ chức lễ hội; sản xuất, kinh doanh, xây dựng công trình, thăm dò, khai thác tài nguyên.
2. Trong khu vực biên giới: ra, vào khu vực biên giới, khu vực có dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, nguy cơ thiên tai xảy ra; họp chợ, tổ chức lễ hội; sản xuất, kinh doanh, xây dựng công trình, thăm dò, khai thác tài nguyên.
3. Qua lại biên giới tại cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương, cửa khẩu phụ, lối mở.

*Câu hỏỉ 26:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, trường hợp nào dưới đây người có thẩm quyên được quyết định hạn chê hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Xảy ra tranh chấp về biên giới, lãnh thổ. |
| B | Xảy ra gây rối an ninh, trật tự. |
| c | Truy bắt tội phạm. |

*Trả lởi:* Phương án A (khoản 1 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Cầu hỏi 27:* Việc quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giói, khu vực biên giới của Đồn trưởng Đồn Biên phòng?**

Trả lởi:

Việc quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới, khu vực biên giới của Đôn trưởng Đôn Biên phòng được quy định cụ thê tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam như sau:

Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới thuộc phạm vi quản lý không quá 12 giờ và báo cáo ngay Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh; thông báo cho cơ quan ngoại vụ địa phương, chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã sở tại.

Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng của Đồn trưởng Đồn Biên phòng phải thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới; thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới.

*Câu hỏi 28:* Theo Luật Biền phòng Việt Nam năm 2020, các hoạt động được hạn chế hoặc tạm dừng ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Ra, vào vành đai biên giới, khu vực biên giới, khu vực có dịch bệnh, hỏa hoạn, lũ lụt, nguy cơ thiên tai xảy ra. |
| B | Mọi hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới. |
| c | Khám, chữa bệnh ở khu biên giới, vành đai biên giới. |

*Trả lời:* Phương án A (khoản 2 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 29:* Việc quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới, khu vực biên giới của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh?**

Trả lời:

Việc quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong vành đai biên giới, khu vực biên giới của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng câp tỉnh được quy định cụ thể tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam như sau:

Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh quyết định hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động trong khu vực biên giới thuộc phạm vi quản lý không quá 24 giờ và báo cáo ngay ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; thông báo cho Bộ Ngoại giao, Công an câp tỉnh.

Trường hợp hết thời hạn 24 giờ, nếu xét thấy cần phải tiếp tục hạn chế hoặc tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh có trách nhiệm đề nghị ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tiếp tục hạn chế hoặc tạm dừng nhưng không quá 24 giờ và thông báo cho Bộ Ngoại giao, Công an cấp tỉnh.

Quyết định hạn chế hoặc tạm dừng của Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh phải thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới; thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới.

***Câu hỏi 30:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới tại cửa khẩu phụ, lỗi mở biên giới như thế nào?**

|  |  |
| --- | --- |
| A | Tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới không quá 06 giờ. |
| B | Tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới không quá 12 giờ. |
| C | Tại cửa khẩu phụ, lối mở biên giới không quá 24 giờ. |

Trả lòi: Phương án B (điểm a khoản 4 Điều 11 Luật Bỉên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 31:* Thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu phụ, lối mở của Đồn trưởng Đồn Biên phòng?**

Trả lời:

Thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu phụ, lối mở của Đồn trưởng Đồn Biên phòng được quy định cụ thể tại điểm a khoản 4 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam như sau: Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu phụ, lối mợ không quá 06 giờ và báo cáo ngay Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh; thông báo cho chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã sở tại, cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới và lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới.

***Câu hỏi 32:* Thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh?**

Trả lờỉ:

Thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biến giới tại cửa khâu, lôi mở của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh được quy định cụ thể tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam như sau:

1. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu phụ, lối mở không quá 12 giờ và báo cáo ngay ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; thông báo cho lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới.
2. Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương không quá 06 giờ và báo cáo ngay ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Tư lệnh Bộ đội Biên phòng; thông báo cho chính quyền địa phương cấp huyện, cấp xã sở tại, cơ quan, tổ chức ở khu vực biên giới và lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới.

***Câu hỏi 33:* Thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại tại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương, cửa khẩu quốc te của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ tướng Chính phủ?**

Trả lời:

Thẩm quyền quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại tại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương, cửa khẩu quốc tế của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Thủ tướng Chính phủ được quy định cụ thể tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam như sau:

1. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phương không quá 24 giờ theo đề nghị của Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh và báo cáo ngay Thủ tướng Chính phủ; thông báo cho chính quyền địa phương của nước có chung đường biên giới.
2. Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu quốc tế theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thông báo cho cơ quan ngoại giao của nước có chung đường biên giới.

***Câu hỏi 34:* Việc gia hạn đổi với các trường hợp hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới được quy định và thực hiện như thế nào?**

Trả lời:

Việc gia hạn đối với các trường hợp hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới được quy định tại khoản 5 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam, cụ thể:

Trước khi hét thời hạn hạn chế hoặc tạm dừng qua lại biên giới, nếu xét thấy cần tiếp tục hạn chế hoặc tạm dừng thì việc quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng được thực hiện như sau:

1. Đồn trưởng Đồn Biên phòng quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu phụ, lối mở không quá 06 giờ.
2. Chỉ huy trường Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phưong không quá 06 giờ, tại cửa khẩu phụ, lối mờ không quá 12 gỉờ.
3. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định gia hạn thời gian hạn chế hoặc tạm dừng qua lại cửa khẩu chính hoặc cửa khẩu song phưong không quá 24 giờ.
4. Việc gia hạn phải được báo cáo ngay và được sự đồng ý của cấp trên trực tiếp trước khi ra quyết định; thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới; thông báo cho cơ quan ngoại vụ địa phương, Bộ Ngoại giao theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Luật Biên phòng Việt Nam.

***Câu hỏi 35:* Luật Biên phòng Việt Nam quy định có bao nhiêu nội đung hợp tác quốc tế về biên phòng? Quy định cụ thễ đối với từng nội dung?**

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Biên phòng Việt Nam, hợp tác quốc tế về biên phòng bao gồm 6 nội dung. Quy định cụ thể đối với tùng nội dung như sau:

1. Điểm a quy định: Thiết lập, phát triển quan hệ biên giới; xây dựng, mở rộng quan hệ hữu nghị với chính quyền, nhân dân, lực lượng chức năng của nước có chung đường biên giới và các quốc gia khác; phát triển quan hệ với các tổ chức quốc tế có liên quan.
2. Điểm b quy định: Ký kết và thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về biên phòng; thiết lập, thực thi cơ chế hợp tác biên phòng song phương, đa phương theo quy định của pháp luật.
3. Điểm c quy định: Đàm phán, giải quyết các vấn đề, vụ việc về biên giới, cửa khẩu; tuần tra biên giới; kiểm soát xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, qua lại biên giới theo quy định của pháp luật; phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.
4. Điểm d quy định: Đấu tranh ngăn chặn mọi hành động làm phương hại đến quan hệ biên giới giữa Việt Nam với các nước.
5. Điểm đ quy định: Phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn.
6. Điểm e quy định: Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm về biên phòng, chuyển giao trang bị, khoa học và công nghệ để tăng cương năng lực thực thi nhiệm vụ biên phòng.

***Cầu hỏi 36:* Trong nội dung hợp tác quốc tế về Biên phòng có quy định Bộ đội Biên phòng được đàm phán, giải quyết các vấn đề, vụ việc liên quan đến công tác kiểm soát, xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu không?**

Trả lời:

Trong nội dung hợp tác quốc tế về Biên phòng, Bộ đội Biên phòng được đàm phán, giải quyết các vấn đề, vụ việc liên quan đến công tác kiểm soát, xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu. Cụ thể: Tại điểm c khoản 1 Điều 12 Luật Biên phòng Việt Nam quy định: ***“Đàm phán, giải quyết các vấn đề, vụ việc về biên giới cửa khẩu; tuần tra biên giới; kiếm soát xuất nhập cảnh, xuất nhập khẩu tại cửa khẩu, qua lạỉ biên giới theo quy định của pháp luật; phòng chổng tội phạm, vỉ phạm pháp luật”.***

***Câu hỏi 37,* Luật Biên phòng Việt Nam quy định có bao nhiêu hình thức hợp tác quốc te về biên phòng? Gồm những hình thửc nào?**

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 12 Luật Biên phòng Việt Nam quy định 4 hình thức hợp tác quốc tế về biên phòng, bao gồm:

1. Ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế;
2. Hội đàm, giao lưu hợp tác;
3. Trao đổi, chia sẻ thông tin;
4. Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

***Câu hỏi 38:* Vị trí của Bội đội Biên phòng được quy định như the nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Khoản 1 Điều 13 Luật Biên phòng Việt Nam quy định vị trí của Bội đội Biên phòng như sau: Bội đội Biên phòng là lực lượng vũ trang nhân dân, thành phân của Quân đội nhân dân Việt Nam, là lực lượng nòng cốt, chuyên trách quản lý, bảo vệ biên gioi quốc gia, khu vực biên giới.

***Câu hỏi 39:* Chức năng chủ trì duy trì an ninh trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu của Bộ đội Biên phòng được quy định như the nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

***Trả lời:***

Chức năng chủ trì, duy trì an ninh trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu của Bộ đội Biên phòng được quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Biên phòng Việt Nam như sau: ***"Bộ đội Biên phòng có chức năng tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất với Đảng, Nhà nước chỉnh sách, pháp luật về biên phòng; thực hiện quản ỉý nhà nước về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và chủ trĩ, phối hợp với cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khấu theo quy định của pháp luật”.***

*Câu hỏi 40:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, Bộ đội Biên phòng có chức năng?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức giữ gìn an ninh, trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật. |
| B | Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khâu theo quy định của pháp luật. |
| c | Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và cá nhân duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biển giới, cửa khẩu. |

*Trả lời:* Phương án B (khoản 2 Điều 13 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 41:* Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong thực hiên kiểm soát xuất nhập cảnh và quản lý cửa khẩu theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong thực hiện kiểm soát xuất nhập cảnh và quản lý cửa khẩu theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam được quy định như sau:

1. Tại khoản 5 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam quy định nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong kiểm soát xuất nhập cảnh như sau: Kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý và kiểm soát qua lại biên giới theo quy định của pháp luật.
2. Tại khoản 4 và khoản 6 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam quy định nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong quản lý cửa khẩu như sau:

Duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với phương thức, thủ đoạn hoạt động của thế lực thù địch, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tô chức, cá nhân ở khu vực cửa khâu theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp tác quốc tế về biên phòng, đối ngoại biên phòng, giải quyết sự kiện biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 42:* Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong trong quản lý, bảo vệ biên giới quôc gia và duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam được quy định như sau:

1. Tại khoản 3 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam quy định: Thực hiện quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, hệ thống mốc quốc giới, vật đánh dấu, dấu hiệu đường biên giới, công trình biên giới, cửa khẩu; tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật về biên phòng.
2. Tại khoản 4 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam quy định: Duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn, đấu tranh với phương thức, thủ đoạn hoạt động của thế lực thù địch, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ qúan, tổ chức, cá nhân ở KVBG, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 43:* Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong nắm tình hình và làm công tác tham mưu để quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia đưực quy định như thế nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam quy định nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong nắm tình hình và làm công tác tham mưu để quản lý, bảo vệ biên giói quốc gia, như sau:

1. Thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, dự báo tình hình để thực hiện nhiệm vụ và đề xuất với Bộ Quốc phòng, Đảng, Nhà nước ban hành, chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật về biến phòng.
2. Tham mưu cho Bộ Quốc phòng về công tác quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu và xây dựng lực lượng Bộ đội Biên phòng.

***Câu hỏi 44:* Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở được quy định như thế nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Khoản 7 và khoản 11 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam quy định nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong tuyên truyền, phổ biển, giáo dục pháp luật và tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, như sau:

1. Tuyên truyền, phổ biển, giáo dục pháp luật, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, sắp xếp ổn định dân cư, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo ở khu vực biên giới gắn với xây dựng, củng cố quốc phòng, an ninh.

***Câu hỏi 45:* Nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong chiến đấu bảo vệ biên giói và phòng, chống thiên tai, cửu hộ, cửu nạn ở khu vực biên giới được quy định như thế nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Các khoản 8, 9, 10 và 12 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam quy định nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng trong chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ biên giới và phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới, như sau:

1. sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu chống xung đột vũ trang, chiến tranh xâm lược ở khu vực biên giới.
2. Tham mưu, làm nòng cốt trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân ở khu vực biên giới; tham gia xây dựng khu vực phòng thủ cấp tỉnh, cấp huyện biên giới, phòng thủ dân sự.
3. Tiếp nhận, sử dụng nhân lực, phương tiện dân sự để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh; tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới.

*Câu hỏi 46:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, Bộ đội Biên phòng có nhỉệm vụ?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu và kiểm soát qua lại biên giói theo quy định của pháp luật. |
| B | Kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu trên đất liền, cảng biển và kiểm soát qua lại biên giới theo quy định của pháp luật. |
| c | Kiểm soát xuất nhập cảnh tại cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý và kiểm soát qua lại biên giới theo quy định của pháp luật. |

*Trả lời:* Phương án c (khoản 5 Điều 14 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 47:* Quyền hạn của Bộ đội Biên phòng trong tuần tra, kiểm soát và quản lý, bảo vệ khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Các khoản 2, 3, 4 Điều 15 Luật Biên phòng Việt Nam quy định quyền hạn của Bộ đội Biên phòng trong tuần tra, kiểm soát và quản lý, bảo vệ khu vực biên giói, cửa khẩu, như sau:

1. Tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, hệ thống mốc quốc giới, vật đánh dấu, dấu hiệu đường biên giới, công trình biên giới, cửa khẩu; cấp, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ thị thực và các loại giấy tờ trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia; kiểm tra, kiểm soát phương tiện khi có dâu hiệu vi phạm pháp luật, xử lý phương tiện vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.
2. Đấu tranh, ngăn chặn, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.
3. Hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai biên giới, khu vực biên giới, qua lại biên giới tại cửa khẩu, lối mở.

***Câu hỏi 48:* Quyền hạn của Bộ đội Biên phòng trong truy đuổi, bắt giữ người, phưong tiện vi phạm pháp luật theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Khoản 7 Điều 15 Luật Biên phòng Việt Nam quy định quyền hạn của Bộ đội Biên phòng trong truy đuổi, bắt giữ người, phương tiện vi phạm pháp luật, như sau: Trực tiếp truy đuổi, bắt giữ người, phương tiện vi phạm pháp luật từ biển giới vào nội địa; phối hợp với các lực lượng truy tìm, bắt giữ người có hành vi vi phạm pháp luật trốn chạy vào nội địa; truy đuổi, bắt giữ người, phương tiện vi phạm pháp luật trốn chạy từ trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam ra ngoài phạm vi lãnh hải' Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

***Câu hỏi 49:* Quyền hạn của Bộ đội Biên phòng trong họp tác quốc tế về biên phòng theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Khoản 8 Điều 15 Luật Biên phòng Việt Nam quy định quyền hạn của Bộ đội Biên phòng trong hợp tác quốc tế về biên phòng, như sau: Hợp tác, phối họp với lực lượng chức năng của nước có chung đường biên giới, các nước khác và tổ chức quốc tế trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, cửa khẩu, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

*Câu hỏi 50:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, nội dung nào dưới đây là một trong những quyền hạn của Bộ đội Biên phòng?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Hoạt động tình báo theo quy định của pháp luật. |
| B | Đấu tranh, ngăn chặn, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật ở khu vực biến giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật. |
| c | Thực hiện quản lý về an ninh mạng, bảo vệ an ninh mạng và phòng, chống tội phạm mạng theo quy định của pháp luật. |

*Trả lời:* Phương án B (khoản 3 Điều 15 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 51:* Phạm vi hoạt động của Bộ đội Biên phòng được quy định như thế nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Phạm vi hoạt động của Bội đội Biên phòng được quy định tại Điều 16 Luật Biên phòng Việt Nam, như sau:

1. Hoạt động trong khu vực biên giới, cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, địa bàn nội địa để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.
2. Hoạt động ngoài biên giód theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và quy định của pháp luật Việt Nam trong trường họp vì mục đích nhân đạo, hòa bình, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, kiểm soát xuất nhập cảnh, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

***Câu hỏi 52:* Bộ đội Biên phòng được hoạt động trong địa bàn nội địa, ngoài biên giód trong những trường hựp nào?**

Trả lời:

1. Tại khoản 7 Điều 15 Luật Biên phòng Việt Nam quy định Bộ đội Biên phòng được hoạt động trong địa bàn nội địa và ngoài phạm vi lãnh hải Việt Nam trong trường hợp: Trực tiếp truy đuổi, bắt giữ người, phương tiện vi phạm pháp luật từ biên giới vào nội địa; phối hợp với các lực lượng truy tìm, bắt giữ người có hành vi vi phạm pháp luật trốn chạy vào nội địa; truy đuổi, bắt giữ người, phương tiện vi phạm pháp luật trốn chạy từ trong nội thủy, lãnh hải Việt Nam ra ngoài phạm vi lãnh hải Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.
2. Tại khoản 2 Điều 16 Luật Luật Biên phòng Việt Nam quy định Bộ đội Biên phòng được hoạt động ngoài biên giới trong các trường hợp sau: Hoạt động ngoài biên giói theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hộĩ chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và quy định của pháp luật Việt Nam trong các trường hợp vì mục đích nhân đạo, hòa bình, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, kiểm soát xuất nhập cảnh, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật.

Câu hỏi 53: Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, phạm vi hoạt động của Bộ đội Biên phòng bao gồm?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Khu vực biên giới, cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý. |
| B | Khu vực biên giới, cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý, địa bàn nội địa, hoạt động ngoài biên giới. |
| c | Vành đai biên giới, khu vực biên giới, cửa khẩu do Bộ đội Biên phòng quản lý, địa bàn nội địa, hoạt động ngoài biên giới. |

*Trả lời:* Phương án B (Điều 16 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 54:* Theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam, Bộ đội Biên phòng đưực nô súng trong trường hợp nào khi thi hành nhiệm vụ?**

Trả ỉởi:

Khi thi hành nhiệm vụ, Bộ đội Biên phòng được nổ súng trong trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Biên phòng Việt Nam như sau: Ngoài các trương họp nô súng quân dụng theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nồ và công cụ hỗ trợ, khi thi hành nhiệm vụ đấu trạnh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được nổ súng quân dụng vào tàu thuyền trên biển, sông biên giới, trừ tàu thuyên của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế, tàu thuyền có chở người hoặc có con tin, để dừng tàu thuyền, thuộc một trong các trường họp sau đây:

1. Đối tượng điều khiển tàu thuyền đó tấn công hoặc đe dọa trực tiếp đến tính mạng người thi hành công vụ.
2. động, bí mật nhà nước, ma táy, bảo vật quốc gia cố tình chạy trốn.
3. Khi tàu thuyền có đối tượng đã thực hiện hành vi cướp biển, cướp có vũ trang theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, quy định của pháp luật về hình sự cố tình chạy trốn.

Trường hợp nổ súng quy định nêu trên, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng phải cảnh báo băng hành động, mệnh lệnh, lời nói hoặc băn chỉ thiên trước khi nô súng vào tàu thuyền; phải tuân theo mệnh lệnh của người có thẩm quyền khi thực hiện nhiệm vụ có tổ chức.

*Câu hỏi 55:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, ngưòi nào có thâm quyên quyêt định chuyên hình thửc quản lý, bảo vệ biên giód quoc gia?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Đồn trưởng Đồn Biên phòng. |
| B | Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh. |
| c | Tư lệnh Bộ đội Biên phòng. |

*Trả lời:* Phương án c (khoản 2 Điều 17 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 56:* Khi thực hiện nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật; cán bộ, chỉến sỹ Bộ đội Biên phòng có quyền huy động ngưòí, tàu thuyền, phuưng tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của cơ quan, tổ chức, công dân hay không?**

Trả lời:

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 18 Luật Biên phòng Việt Nam, khi thực hiện nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống tội phạm, vi phạm pháp luật; cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng có quyền huy động người, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của cơ quan, tổ chức, công dân, cụ thể:

1. Khoản 1 Điều 18 quy định: Trong trường hợp khẩn cấp để bắt giữ người, tàu, thuyền, phương tiện vi phạm pháp luật, tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu người bị nạn, ứng phó, khăc phục sự cô môi trường nghiêm trọng, cán bộ, chiên sĩ Bộ đội Biên phòng được huy động người, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của cơ quan, tô chức, công dân Việt Nam.
2. Khoản 4 Điều 18 quy định: Trong trường hợp khẩn cấp để bắt giữ người, tàu thuyền, phương tiện vi phạm pháp luật, tìm kiếm, cứu nạn, cấp cúu người bị nạn, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường nghiêm trọng, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được đề nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động ở khu vực biên giới hỗ trợ, giúp đỡ.

***Câu hỏi 57:* Việc huy động người, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự trong thực thi nhỉệm vụ biên phòng được quy định như thê nào?**

Trả lời:

Việc huy động người, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự trong thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 18 Luật Biên phòng Việt Nam như sau:

1. Trong trường hop khẩn cấp để bắt giữ người, tàu thuyền, phương tiện vi phạm pháp luật, tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu người bị nạn, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường nghiêm trọng, cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng được huy động người, tàu thuyên, phương tiện, thiêt bị kỹ thuật dân sự của cơ quan, tô chức, công dân Việt Nam.
2. Việc huy động nêu trên phải phù hợp với khả năng thực tế của người, tàu thuyền, phương tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự được huy động và phải hoàn trả ngay sau khi tình thế khẩn cấp chấm dứt. Trường hợp người, tài sản được huy động làm nhiệm vụ mà bị thiệt hại thì được hưởng chế độ, chính sách, đền bù theo quy định; đơn vị có cán bộ, chiến sỹ huy động có trách nhiệm giải quyết việc đến bù theo quy định của pháp luật.
3. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam có trách nhiệm thực hiện việc huy động của Bộ đội Biên phòng.
4. Trong trường họp khẩn cấp để bắt giữ người, tàu thuyền, phương tiện vi phạm pháp luật, tìm kiếm, cứu nạn, cấp cứu người bị nạn, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường nghiêm trọng, cán bộ, chiến sỹ Bộ đội Biên phòng được đe nghị tổ chức, cá nhân nước ngoài đang hoạt động ở khu vực biên giới hỗ trợ, giúp đỡ.

*Câu hỏi 58:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, trường họp nào cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được huy động người, tàu thuyền, phưong tiện, thiết bị kỹ thuật dân sự của co\* quan, tổ chức, công dân Việt Nam?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Trong mọi trường hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng. |
| B | Trong trường hợp ứng phó, khắc phục sự cố môi trường. |
| c | Trong trường hợp khẩn cấp để bắt giữ người, tàu thuyền, phương tiện vi phạm pháp luật. |

*- Trả lời:* Phương án c (khoản 1 Điều 18 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 59:* Quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên được áp dụng trong trường hựp nào theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Điểm a khoản 1 Điều 19 Luật Biên phòng Việt Nam quy định quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên được áp dụng trong trường hợp tình hình chủ quyên, lãnh thô, an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới ổn định.

***Câu hỏi 60:* Quản lý, bảo vệ biên giói tăng cường được áp dụng trong trường hợp nào theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Điểm b khoản 1 Điều 19 Luật Biên phòng Việt Nam quy định quản lý, bảo vệ biến giới tăng cường được áp dụng khi có sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội quan trọng diễn ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu, hai bên biên giới; tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội một số địa bàn ở khu vực biên giới diễn biến phức tạp; địa bàn ngoại biên, khu vực biên giới đang tiến hành diễn tập quân sự, an ninh, trật tự, xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu hộ, cứu nạn hoặc đang tiến hành hoạt động truy bắt tội phạm mà đối tượng phạm tội có thể vượt qua biên giới; khi lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên giới đề nghị.

***Câu hỏi 61:* Thẩm quyền quyết định chuyển hình thức quản lý, bảo vệ biên giói quốc gia được quy định như thế nào?**

Trả lời:

Khoản 2 Điều 19 Luật Biên phòng Việt Nam quy định về thẩm quyền quyết định chuyển hình thức quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia như sau:

1. Tư lệnh Bộ đội Biên phòng quyết định chuyển hình thức quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên và tăng cường, báo cáo ngay Bộ Quôc phòng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình;
2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định chuyển hình thức quản lý, bảo vệ biên giới trong tình trạng khàn câp vê quôc phòng, thiêt quân luật, giới nghiêm, tình trạng chiến tranh.

*Câu hỏi 62:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, các hình thức quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia bao gồm?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên; Quản lý, bảo vệ biên giới tăng cường; Quản lý, bảo vệ biên giới trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, thiết quân luật, giới nghiêm, tình trạng chiến tranh. |
| B | Quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên; Quản lý, bảo vệ biên giới tăng cường; Quản lý, bảo vệ biên giới trước khi có chiến tranh; Quản lý, bảo vệ biên giới khi có chiến tranh. |
| c | Quản lý, bảo vệ biên giới thường xuyên; Quản lý, bảo vệ biên giới tăng cường; Quản lý, bảo vệ biến giới cao; Quản lý, bảo vệ biên giới toàn bộ. |

*Trả lời:* Phương án A (khoản 1 Điều 19 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 63: Có* mấy biện pháp thực hiện quẫn lý, bảo vệ biên giởi quốc gia theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam? Gồm những biện pháp nào?**

Trả lời:

Điều 20 Luật Biên phòng Việt Nam quy định có 07 biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, gồm: Vận động quần chúng; Pháp luật; Ngoại giao; Kinh tế; Khoa học - kỹ thuật; Nghiệp vụ; Vũ trang. Nội dung, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm áp dụng các biện pháp nêu trên do pháp luật quy định.

***Câu hỏi 64:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, các biện pháp quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia bao gồm?**

|  |  |
| --- | --- |
| A | Vũ trang; Trinh sát; Vận động quần chúng; Kiểm soát hành chính; Đối ngoại biên phòng; Công trình - kỹ thuật. |
| B | Vận động quần chúng; Pháp luật; Ngoại giao; Kinh tế; Khoa học - kỹ thuật; Nghiệp vụ; Vũ trang. |
| C | Vũ trang; Nghiệp vụ; Vận động quần chúng; Kiểm soát hành chính; Đối ngoại biên phòng; Công trình - kỹ thuật. |

*Trả lời:* Phương án B (khoản 1 Điều 20 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 65:* Hệ thống tổ chức của Bộ đội Biên phòng được quy định gồm mấy cấp?**

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 21 Luật Biên phòng Việt Nam quy định hệ thống tổ chức 03 cấp của Bộ đội Biên phòng như sau:

1. Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.
2. Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.
3. Đồn Biên phòng, Ban chỉ huy Biên phòng của khẩu cảng, Hải đội Biên phòng.

***Câu hỏi 66:* Trang bị của của Bộ đội Biên phòng được quy định như the nào trong Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Tại Điều 22 Luật Biên phòng Việt Nam, trang bị của Bộ đội Biên phòng được quy định như sau:

1. Bộ đội Biên phòng được trang bị phương tiện quân sự, dân sự, vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyên hạn.
2. Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và danh mục phương tiện, thiêt bị kỹ thuật nghiệp vụ của Bộ đội Biên phòng.

***Câu hỏi 67:* Quy định của Luật Biên phòng Việt Nam về bảo đảm nguôn nhân lực thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Điều 25 Luật Biên phòng Việt Nam quy định việc bảo đảm nguồn nhân lực thực thi nhiệm vụ biên phòng như sau;

1. Công dân Việt Nam là nguồn nhân lực xây dựng, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới. Nhà nước có kế hoạch tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng nguôn nhân lực cho lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng; ưu tiên cư dân ở khu vực biên giới.
2. Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng vê chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, pháp luật, ngoại ngữ, tiếng dân tộc và kiến thức cần thiết khác phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. Người dân tộc thiểu số ở khu vực biên giới, người có tài năng được ưu tiên, khuyến khích phục vụ lâu dài trong Bộ đội Biên phòng.

***Câu hỏi 68:* Trách nhiệm của Chính phũ về biên phòng theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lởi:

Điều 28 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của Chính phủ về biên phòng như sau:

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về biên phòng.
2. Nội dung quản lý nhà nước về biên phòng bao gồm:
3. Ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện chiến lược, chính sách, pháp luật vê biên phòng, xây dựng nên biên phòng toàn dân, thê trận biên phòng toàn dân và xây dựng lực lượng nòng côt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng;
4. Tổ chức, chỉ đạo thực thi nhiệm vụ biên phòng;
5. Hợp tác quốc tế về biên phòng, đối ngoại biên phòng;
6. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về biên phòng;

đ) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên phòng.

***Câu hỏi 69:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý nhà nước về biên phòng?**

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 29 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong quản lý nhà nước về biên phòng như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an trong quản, lý, bảo vệ biên giới quôc gia.
2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.
3. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương thực hiện việc xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biến phòng toàn dân, thực hiện Ngày biên phòng toàn dân.
4. Hướng dẫn Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương nơi có biên giới quốc gia thực hiện quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, khu vực biên giới.
5. Xây dựng Bộ đội Biên phòng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.
6. Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương trong xây dựng biên giới quốc gia, khu vực biên giới.

*Câu hỏi 70:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, nội dung nào dưới đây thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng về biên phòng?

|  |  |
| --- | --- |
| A | Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại biên phòng; hướng dẫn lực lượng nòng cốt, chuyên trách về nghiệp vụ đối ngoại biên phòng. |
| B | Phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương trong xây dựng biên giói quốc gia, khu vực biên giới. |
| C | Chỉ đạo, hướng dẫn ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia. |

*Trả lời:* Phương án B (điểm e khoản 1 Điều 29 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 71:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân?**

Trả lời:

Điểm c Khoản 1 Điều 29 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân như sau: Trong phạm vi quyền hạn của mình, hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương thực hiện việc xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân, thực hiện ***“Ngày Biên phòng toàn dân ”,***

***Câu hỏi 72:* Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao về biên phòng theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Tại Điều 30 Luật Biên phòng Việt Nam quy định: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyên hạn của mình, Bộ Ngoại giao có trách nhiệm chủ trì, phôi hợp với Bộ Quôc phòng, Bộ Công an, cơ quan có liên quan và chính qúyên địa phương thực hiện các nội dung:

1. Đe xuất chủ trương, chính sách và các biện pháp quản lý về biên giới quôc gia.
2. Thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động đối ngoại biên phòng; hướng dân lực lượng nòng côt, chuyên trách vê nghiệp vụ đôi ngoại biên phòng.
3. Chỉ đạo, hướng dẫn ửy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia thực hiện quản lý nhà nước về biên giới quốc gia.
4. Trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền vấn đề phát sinh trong hoạt động của Bộ, ngành, địa phương liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia;
5. Bồi dưỡng, hướng dẫn lực lượng nòng cốt, chuyên trách thực thi nhiệm vụ biên phòng giải quyết vụ việc liên quan đến biến giới và người nước ngoài.

***Câu hỏi 73:* Theo Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020, nội dung nào dưới đây thuộc trách nhiệm của Bộ Quốc phòng về biên phòng?**

|  |  |
| --- | --- |
| A | Chủ trì, phối hợp với Bộ, cơ quan ngang Bộ, chính quyền địa phương duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật. |
| B | Quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xây dựng, ban hành theo thẩm quyên và trình câp có thâm quyên ban hành chính sách, pháp luật vê xuất cảnh, nhập cảnh. |
| c | Trình Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc hướng dẫn xử lý theo thẩm quyền vấn đề phát sinh trong hoạt động của Bộ, ngành, địa phương liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia. |

*Trả lời:* Phương án A (điểm b khoản 1 Điều 29 Luật Biên phòng Việt Nam).

***Câu hỏi 74:* Trách nhiệm *“chủ trì"* của Bộ Công an về biên phòng theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lờỉ:

Tại khoản 2 Điều 31 Luật Biên phòng Việt Nam quy định Bộ Công an có trách nhiệm ***“chủ trì, phổi hợp*** ” với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, cơ quan có liên quan, chính quyền địa phương nơi có biên giới quốc gia thực hiện các nội dung:

1. Xây dựng, củng cố nền an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, nền biên phòng toàn dân ở khu vực biên giới.
2. Quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, pháp luật về xuất cảnh, nhập cảnh.

***Câu hỏi 75:* Trách nhiệm *“phoi hợp"* của Bộ Công an về biên phòng theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam?**

Trả lời:

Tại khoản 3 và khoản 4 Điều 31 Luật Biên phòng Việt Nam, trách nhiệm ***“phổi hợp ” về*** biên phòng của Bộ Công an được quy định như sau:

1. Khoản 3 quy định: Phối họp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, cơ quan có liên quan, chính quyên địa phương nơi có biên giới quôc gia duy trì an ninh, trật tụ1, an toàn xã hội, thực thi pháp luật và xử lý các tình huông quân sự, quộc phòng ở khu vực biên giới.
2. Khoản 4 quy định: Phối họp với Bộ Quốc phòng đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn lực lượng nòng côt, chuyên trách nghiệp vụ, pháp luật vê an ninh quôc gia, trật tự, an toàn xã hội, trao đôi thông tin nghiệp vụ liên quan đê thực thi nhiệm vụ biên phòng.

***Câu hỏi 76:* Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân?**

***Trả lời:***

Tại điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân như sau: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng nhân dân các cấp nới có biên giới quốc gia có trách nhiệm quyết định chủ trương, biện pháp, huy động các nguồn lực bảo đảm thực thi nhiệm vụ biên phòng phù hợp với Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh.

***Câu hỏi 77:* Trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân?**

Trả lời:

Tại điểm b Khoản 2 Điều 33 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia trong xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân như sau: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ủy ban nhân dân các cấp nới có biên giới quốc gia có trách nhiệm tập trung và huy động các nguồn lực xây dựng khu vực biên giới vững mạnh về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh ở địa phương; thực hiện Ngày biên phòng toàn dân; thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

***Câu hỏi 78:* Trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia trong quản lý nhà nước về biên phòng?**

***Trả lời:***

Khoản 2 Điều 33 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quổc gia trong quản lý nhà nước về biên phòng như sau: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia thực hiện quản lý nhà nước về biên phòng và có trách nhiệm sau đây:

1. Lập dự toán ngân sách trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bảo đảm thực thi nhiệm vụ biên phòng và xây dựng lực lượng nòng cốt, chuyên trách ở địa phương.
2. Tập trung và huy động các nguồn lực xây dựng khu vực biên giới vững mạnh vê chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, quốc phòng, an ninh, đôi ngoại; xây dựng nên biên phòng toàn dân, thê trận biên phòng toàn dân vững mạnh ở địa phương; thực hiện Ngày biên phòng toàn dân; thực hiện chính sách hậu phương quân đội.
3. Sắp xếp, bố trí dân cư, xây dựng cơ sở hạ tầng; kết hợp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đôi ngoại ở khu vực biên giới.
4. Chủ trì, phối hợp với ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cơ quan, tô chức liên quan tô chức phong trào quân chúng nhân dân tham gia quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở biên giới.
5. Xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển.

***Câu hỏi 79:* Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vả các tổ chức thành viên của Mặt trận về biên phòng?**

***Trả lời:***

Điều 34 Luật Biên phòng Việt Nam quy định trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận về biên phòng như sau: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tuyên truyên, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật vê biên phòng; giám sát việc thực hiện pháp luật vê biên phòng.

***Câu hỏi 80:* Luật Biên phòng Việt Nam sửa đổi, bổ sung điều nào của Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11? Nội dung sửa đổi, bổ sung cụ thể?**

***Trả lời:***

Luật Biên phòng Việt Nam sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Luật Biên giới quốc gia số 06/2003/QH11, cụ thể như sau:

***“Điều 21***

1. ***Trường hợp vì ỉỷ do quốc phòng, an ninh, lý do đặc biệt khác hoặc theo đề nghị, thông báo của nước hữu quan, người, phương tiện, hàng hỏa cỏ thế bị hạn chế hoặc tạm dừng qua ỉạỉ biên giới quốc gia, kế cả việc đỉ qua không gây hạỉ trong lãnh hải Việt Nam.***
2. ***Việc hạn chế hoặc tạm dừng hoạt động ở vành đai bỉên giới, khu vực biên giới, qua ỉạỉ biên giới tạỉ cửa khẩu, lối mở biên giới đất liền thực hỉện theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam.***
3. ***Thẩm quyền quyết định việc hạn chế hoặc tạm dừng quy định tại khoản ỉ Điều này do Chỉnh phủ quy định, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Quyết định về việc hạn chế hoặc tạm dừng phải được thông báo cho chỉnh quyền địa phương và nhà chức trách của nước hữu quan biết.***

**Phần thứ haỉ**

**NGHỊ ĐỊNH SỐ 106/2021/NĐ-CP NGÀY 06/12/2021  
CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SÓ ĐIỀU  
CỦA LUẬT BIÊN PHÒNG VIỆT NAM**

***Câu hỏi 81:* Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một sỗ điều Luật Biên phòng Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày, tháng, năm nào?**

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam quy định: Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 01 năm 2022.

***Câu hỏi 82:* Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam có hiệu lực thi hành thì các văn bản quy phạm pháp luật nào sẽ hết hiệu lực?**

Trả lời:

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 28 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam quy định:

1. Khoản 2 quy định: Nghị định số 02/1998/ND-CP ngày 06 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bộ đội Biên phòng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực; Điều 12 Nghị định số 02/1998/NĐ-CP tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi được bãi bỏ, thay thế bằng vãn bản quy phạm pháp luật khác.
2. Khoản 3 quy định: Điều 6 Thông tư số 2866/1998/TT-BQP ngày 12 tháng 9 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 02/1998/NĐ-CP; Thông tư liên tịch'số 2076/TTLT-BQP-BLDTBXH- BTC ngày 08 tháng 7 năm 1998 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động “ Thưong binh và Xã hội, Bộ Tài chính vê thực hiện một sô chính sách đôi với Bộ đội Biên phòng; Thông tư liên tịch so 35/2004/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngấy 24 tháng 3 nãm 2004 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Thông tư liên tịch số 2076/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 08 tháng 7 năm 1998 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về thực hiện một số chính sách đối với Bộ đội Biên phòng tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có chế độ, chính sách mới đối với cán bộ, chiến sĩ BĐBP được ban hành.

***Câu hỏi 83:* Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điêu Luật Biên phòng Việt Nam được quy định như thê nào?**

Trả lởi:

Điều 1 và Điều 2 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Biên phòng Việt Nam qúy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng như sau:

1. về phạm vi điều chỉnh quy định: Nghị định này quy định chi tiết về hệ thống tô chức; chính sách ưu đãi và chế độ đặc thù đôi với Bộ đội Biên phòng; phối họp giữa bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương trong thực thi nhiệm vụ biên phòng.
2. về đối tượng áp dụng quy định: Nghị định này áp dụng đối vởi cơ quan, đơn vị, cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

***Câu hỏi 84:* Hệ thống tổ chức của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tại Nghị định số 106/2021/NĐ-CP được quy định như\* thế nằo?**

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định về hệ thống tổ chức của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng như sau:

1. Cơ quan Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng gồm: Bộ Tham mưu; Cục Chính trị; Cục Trinh sát; Cục Phòng, chống ma túy và tội phạm; Cục cửa khẩu; Cục Hậu cần; Cục Kỹ thuật.
2. Các đơn vị trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng gồm: Hải đoàn Biên phòng; Lữ đoàn thông tin Biên phòng; Học viện Biên phòng; Trường Cao đãng Biên phòng; Trường Trung cấp 24 Biên phòng; Trung tâm huấn luyện - cơ động.
3. Cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 nêu trên có các đơn vị trực thuộc.

***Câu hỏi 85:* Hệ thống tổ chức của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tĩnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Nghị định số 106/2021/NĐ-CP được quy định như thế nào?**

Trả lời:

Tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định về hệ thống tổ chức của Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

1. Cơ quan Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gôm: Phòng Tham mưu; Phòng Chính trị; Phòng Trinh sát; Phòng Phòng, chống ma túy và tội phạm; Phòng Hậu cần; Phòng Kỹ thuật.
2. Cơ quan quy định nêu trên có các đơn vị trực thuộc.

***Câu hỏi 86:* Hệ thống tỗ chức của Đồn Biên phòng; Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng; Hải đội Biên phòng tại Nghị định số 106/2021/NĐ-CP được quy định như thế nào?**

Trả lời:

Tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định về hệ thống tổ chức của Đồn Biên phòng; Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng; Hải đội Biên phòng như sau:

1. Đồn Biên phòng gồm: Đội vũ trang; Đội Vận động quần chúng; Đội Trinh sát; Đội Phòng, chống ma túy và tội phạm; Đội Kiểm soát hành chính; Đội Tham mưu “ Hành chính; Đội Tàu thuyền; Trạm Biên phòng.
2. Ban chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng gồm: Ban Tham mưu; Ban Chính trị; Ban Trinh sát; Ban Phòng, chống ma túy và tội phạm; Ban Hậu cần - Kỹ thuật; Đội Hành chính; Đội Thủ tục; Đội Tàu thuyền; Trạm Biên phòng.
3. Hải đội Biên phòng gồm: Đội Tham mưu - Hành chính; Đội Tuần tra biên phòng.

***Câu hỏi 87:* Chính sách ưu đãi đối với cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng tại Nghị định số 106/2021/NĐ-CP được quy định như thế nào?**

Trả lời:

Tại Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định chính sách ưu đãi đối với cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng như saụ: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc Bộ đội Biên phòng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ biên giới, hải đảo có thời gian từ 05 (năm) năm trở lên nếu có nhu cầu chuyển gia đình đến định cư ổn định cuộc sống lâu dài ở khu vực biên giới, hải đảo được chính quyền địa phương nơi chuyển đến ưu tiên giao đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai; hỗ trợ về chỗ ở, nhà ở cho gia đình, việc làm cho vợ hoặc chồng của sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc Bộ đội Biến phòng và được hưởng các chể độ, chính sách khác theo quy định.

***Câu hỏi 88:* Chế độ đặc thù đối với cận bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng tại Nghị định số 106/2021/NĐ-CP được quy định như thế nào?**

Trả ỉời:

Tại khoản 2, khoản 3 yà khoản 4 Điều 4 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định về chế độ đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng như sau:

1. Cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng ngoài được hưởng chế độ tiền lương, phụ cấp và các chính sách khác trong Quân, đội còn được hưởng phụ cấp trách nhiệm bảo vệ biên giới, hải đảo trong thời gian trực tiếp làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ biên giới, hải đảo.
2. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc Bộ đội Biên phòng đang có thời gian công tác liên tục từ đủ 05 (năm) năm trở lên ở khu vực biên giới đất liền, đảo, quần đảo, hàng tháng được hưởng phụ câp công tác lâu năm ở biển giới, hải đảo. Trường hợp chê độ phụ câp công tác lâu năm ở biên giới, hải đảo được quy định tại nhiều văn bản thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chế độ, chính sách đó.
3. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp Bộ đội Biên phòng khi làm cán bộ tăng cường xã biên giới nơi có điều kiện kinh tế, xã hộĩ đặc biệt khó khăn, hàng tháng được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm và chế độ bồi dưỡng sức khỏe hàng năm tăng thêm theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 89:* Tổ chức hoạt động phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định như thế nào tại Nghị định số 106/2021/NĐ-CP?**

Trả lờì:

Các khoản 2, 3, 4 Điều 6 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định về tổ chức hoạt động phối hợp trong thực thi nhiệm vụ biên phòng như sau:

1. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương thực thi nhiệm vụ biên phòng theo quy định từ Điều 7 đến Điều 27 Nghị định nay.
2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nội dung phối hợp tại khoản 3 Điêu 10 Luật Biên phòng Việt Nam, các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyên địa phương các cấp xác định hình thức, phương pháp để phối hợp thực thi hiệu quả nhiệm vụ biên phòng; xây dựng nền biên phòng toàn dân, thê trận biên phòng toàn dân vững mạnh và phổ biến, giáo dục pháp luật ở khu vực biên giới.
3. Căn cứ chức năng, yêu cầu nhiệm vụ, Bộ đội Biên phòng chủ trì xây dựng quy chế phối hợp với các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương theo quy định của Luật Biên phòng Việt Nam và Nghị định này.

***Câu hỏi 90:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phối họp với các Bộ trao đổi thông tin, tình hình liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia?**

Trả lời:

Tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phối hợp với các Bộ trao đổi thông tin, tình hình liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia như sau: Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giaó, Bộ Công an trao đôi với các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyên địa phương nơi có biên giới quốc gia về tình hình, thông tin liên quan đến quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia, tội phạm, vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khâu theo quy định của pháp luật; chia sẻ với Bộ Công an vê sô liệu xuât cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cấp thị thực tại cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý; khi có đề nghị, thông báo cho Bộ Công an các thông tin liên quan đên an ninh quôc gia, trật tự, an toàn xã hội, tình hình vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới và các thông tin khác liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an.

***Câu hỏi 91:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân và xử lý các tình huống quân sự, quôc phòng?**

Trả lời:

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân và xử lý các tình huống quân sự, quốc phòng như sau:

1. Khoản 2 quy định: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và chính quyền địa phương nơi có biên giới quốc gia xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh.
2. Khoản 3 quy định: Chủ trì, phối họp với Bộ Công an, chính quyền địa phương xử lý các tình huống quân sự, quốc phòng ở khu vực biên giới; chỉ đạo Bộ đội Biên phòng phối hợp với Công an địa phương tham mưu cho chính quyền địa phương xử lý tình huống an ninh, trật tự ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 92:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thực hiện hựp tác quốc té về biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng?**

Trả lời:

Tại khoản 4 và khoản 5 Điều 7 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong thực hiện họp tác quốc tế về biên phòng và xây dựng Bộ đội Biên phòng như sau:

1. Khoản 4 quy định: Chủ trì, tham mưu cho Chính phủ thực hiện hợp tác quốc tế về biên phòng và đối ngoại biên phòng theo quy định của pháp luật; tham gia ý kiến về quy hoạch, đề án, dự án của các bộ, ngành, địa phương ở khu vực biên giới.
2. Khoản 5 quy định: Chủ trì, phối họp với các bộ, ngành, chính quyền địa phương xây dựng Bộ đội Biên phòng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số thành phần tiến thẳng lên hiện đại; tập huấn nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia cho lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng ở khu vực biên giới.

***Câu hỏi 93:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong công tác tìm kiếm, cửu nạn và phòng, chống, ửng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa?**

Trả ỉởi:

Tại khoản 8 và khoản 11 Điều 7 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong công tác tìm kiếm, cứu nạn và phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa như sau:

1. Khoản 8 quy. định: Chủ trì tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở vùng cấm, khu vực quân sự, khu vực biên giới, cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý và đối với tàu biên quân sự, tàu bay quân sự nước ngoài lâm nạn trong khu vực biên giới.
2. Khoản 11 quy định: Phối họp với các bộ, ngành, địa phương liên quan trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa; biến đổi khí hậu, dịch bệnh ở khu vực biên giới, cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý.

***Câu hỏi 94:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lời:

Tại khoản 9 Điều 7 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phóng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu như sau: Chĩ đạo Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với lực lượng chức năng thuộc Công an nhân dân, lực lượng thực thi nhiệm vụ biên phòng thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu do Bộ Quốc phòng quản lý theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 95:* Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng trong phối hợp với Bộ Tư pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về biên phòng?**

Trả lời:

Tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Bộ Qúốc phòng trong phối họp vói Bộ Tư pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật vê biên phòng như sau: Bộ Quôc phòng chủ trì, phôi họp với Bộ Tư pháp và các bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương theo dõi tình hình thi hành pháp luật về biên phòng; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác xây dựng pháp luật về biên phòng theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 96:* Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong cung cấp, trao đổi thống tin voi Bộ Quốc phòng để phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong trong cung cấp, trao đổi thông tin với Bộ Quốc phòng để phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau: Cung cấp, trao đổi với Bộ Quốc phòng những thông tin, tài liệu về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong phạm vi phụ trách có liên quan đển nhiệm vụ biên phòng theo quy định của pháp luật hiện hành; thông tin vê các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có liên quan đến nhiệm vụ biến phòng.

***Câu hỏi 97:* Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong tổ chức các biện pháp đấu tranh đối ngoại và giải quyết cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao trong tổ chức các biện pháp đấu tranh đối ngoại và giải quyết cá nhân, tổ chức nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam được quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 8 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành, địa phương có liên quan tổ chức các biện pháp đấu tranh đối ngoại trong trường hợp độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, quốc gia bị xâm phạm hoặc có nguy cơ bị xâm phạm.
2. Phổi họp với Bộ Quốc phòng giải quyết các trường họp tổ chức, cá nhân nước ngoài vi phạm pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

***Câu hỏi 98:* Trách nhiệm của Bộ Công an trong phối họp xử lý tỉnh huống và bảo đảm an ninh trật tự ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Công an trong phối hợp xử lý tình huống và bảo đảm an ninh trật tự ở khu vực biến giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật được quy định tại khoản 1, khoản ***4*** và khoản 5 Điều 9 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khoản 1 quy định: Chỉ đạo Công an địa phương phối họp với Bộ đội Biên phòng tham mưu cho chính quyền địa phương xử lý tình huống an ninh, trật tự ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, chính quyền địa phương xử lý các tình huống quân sự, quốc phòng ở khu vực biên giới.
2. Khoản 4 quy định: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng thuộc quyền phối hợp với Bộ đội Biên phòng duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chông tội phạm, các hành vi vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ kiêm soát xuât nhập cảnh.
3. Khoản 5 quy định: Khi có đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, các cơ quan liên quan thông báo cho các bộ, cơ quan này thông tin vi phạm pháp luật về xuất nhập cảnh, thông tin về bảo vệ an ninh quốc gĩa, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội tại khu vực biên giới và các thông tin khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 99:* Trách nhỉệm của Bộ Công an trong bắt giữ người vi phạm pháp luật ờ khu vục biên giới đang lẩn trốn ở địa bàn nội địa và ứng phó sự cô thiên tai?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Công an trong bắt giữ người vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới đang lẩn trốn ở địa bàn nội địa và ứng phó sự cố thiên tai được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khoản 2 quy định: Chỉ đạo các đơn vị, lực lượng chức năng thuộc quyến phôi hợp VỚĨ BỘ đội Biên phòng bắt giữ người vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới đang lân trôn ở địa bàn nội địa theo quy định của pháp luật.
2. Khoản 3 quy định: Chủ trì, phối họp với Bộ Quốc phòng trong công tác ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công an; phối họp với các bộ, ngành, địa phương trong phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 100:* Trách nhiệm của Bộ Tài chính trong phối hợp phòng, chống tội phạm, chống buôn lậu và gian lận thương mại ở khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Tài chính trong phối họp phòng, chống tội phạm, chống buôn lậu và gian ỉận thương mại ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau;

1. Khoản 2 quy định: Chỉ đạo lực lượng Hải quan phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật về buôn lậu, gian lận thương mại, vi phạm pháp luật về hải quan xảy ra trong phạm vi địa bàn hoạt động của Hải quan theo quy định của pháp luật; bàn giao hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ đội Biên phòng; tiếp nhận hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thâm quyên xử lý của lực lượng chức năng Bộ Tài chính do Bộ đội Biên phòng chuyên giao.
2. Khoản 3 quy định: Hướng dẫn, hỗ trợ Bộ đội Biên phòng về công tác chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành thuế, hải quan để phục vụ công tác đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật có liến quan.

***Câu hỏi 101:* Trách nhiệm của Bộ Cồng Thương trong phối họp phòng, chống vi phạm pháp luật về thương mại ở khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Công Thương trong phối hợp phòng, chống vi phạm pháp luật về thương mại ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau: Phòng, chống vi phạm pháp luật về thương mại ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật; bàn giao hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ đội Biên phòng; tiếp nhận hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thấm quyền xử lý của lực lượng chức năng thuộc Bộ Công Thương do Bộ đội Biên phòng chuyển giao.

***Câu hỏi 102:* Trách nhiệm của Bộ Công Thương trong cung cấp, trao đổi thông tin với Bộ đội Biên phòng đễ kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu ở khu vực biên giói, cửa khẩu?**

Trả lừỉ:

Trách nhiệm của Bộ Công Thương trong cung cấp, trao đổi thông tin với Bộ đội Biên phòng để kiểm soát hoạt động xuất nhập khẩu ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền trao đổi, cung cấp cho Bộ đội Biên phòng thông tin, tài liệu có liên quan tới hoạt động xuất, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất, tái nhập, chuyển khẩu, thương mại biên giới, quá cảnh hàng hóa, hoạt động ủy thác xuất nhập khẩu, xuất xứ hàng hóa vận chuyển ra, vào khu vực biên giới, cửa khẩu; phát triển hạ tầng thương mại biên giới.

***Câu hỏi 103:* Trách nhiệm của Bộ Ke hoạch và Đầu tư trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Ke hoạch và Đầu tư trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 12 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng tổng hợp kế hoạch đầu tư trung hạn, dài hạn và hằng năm của Bộ đội Biên phòng theo các quy định của pháp luật; xác định và đưa vào danh mục các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước và các dự án ưu tiên xây dựng Bộ đội Biên phòng.
2. Theo dõi, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, dự án về thực thi nhiệm vụ biên phòng.
3. Ưu tiên bố trí kinh phí cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, doanh trại đối với các đơn vị Bộ đội Biên phòng; hương dẫn ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia lập và đảm bảo ngân sách thực thi nhiệm vụ biên phòng của địa phương.

***Câu hỏi 104:* Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải trong bàn giao, tiếp nhận hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật và hướng dẫn Bộ đội Biên phòng đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực giao thông?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải trong trong bắn giao, tiếp nhận hồ sơ, đôi tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật và hướng dẫn Bộ đội Biên phòng đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực giao thông được quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 13 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khoản 4 quy định: Bàn giao hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ đội Biên phòng; tiếp nhận hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của lực lượng chức năng Bộ Giao thông vận tải do Bộ đội Biên phòng chuyển giao.
2. Khoản 5 quy định: Hướng dẫn, hỗ trợ Bộ đội Biên phòng về công tác chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành để phục vụ công tác đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

***Câu hỏi 105:* Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong phối họp phòng, chống địch bệnh ờ khu vực biên giói, cửa khẩu?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong phối hợp phòng, chống dịch bệnh ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau: Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phòng, chống dịch bệnh đối với động vật, thực vật liên quan hai bên biên giới và ở khu vực biên giới, cửa khẩu; quản lý hoạt động nghề cá; phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm hại, khai thác thủy sản bât họp pháp; quản lý, bảo vệ, phòng cháy, chữa cháy rừng; quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi đê điêu; phòng, chông các hành vi buôn lậu vật tư và sản phâm nông nghiệp, vận chuyên động vật hoang dã trái phép.

***Câu hỏi 106:* Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong phối hợp phòng, chống tội phạm *ở* khu vực biên giói, cửa khau?**

Trả ỉời:

Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong phối họp phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 7 Điều 14 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khoản 2 quy định: Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng thuộc quyền thông báo, chia sẻ cho Bộ đội Biên phòng các thông tin, tài liệu về dữ liệu tàu cá, khai thác thủy sản, lâm nghiệp và tình hình vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới, cửa khẩu có liên quan đến lĩnh vực ngành mình quản iý.
2. Khoản 3 quy định: Chỉ đạo lực lượng Kiểm ngư phối hợp với các lực lượng thuộc Bộ Quốc phòng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phẩn quốc gỉa trên các vùng biển Việt Nam; bảo vệ an ninh, an toàn các hoạt động nghiên cứu, bảo tôn nguôn lợi thủy sản trên biên; tìm kiêm, cứu nạn trên biển; đấu tranh phòng, chống cướp biển, cướp có vũ trang.
3. Khoản 4 quy định: Bàn giao hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ đội Biên phòng; tiếp nhận hồ sơ, đôi tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thâm quyên xử lý của lực lượng chức năng thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn do Bộ đội Biên phòng chuyển giao.
4. Khoản 5 quy định: Hướng dẫn, bồi dưỡng, hỗ trợ cho cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng về công tác chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành đế xác định các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xảy ra ở khu vực biên giới, cửa khẩu.
5. Khoản 7 quy định: Chỉ đạo các đơn vị, lực lượng chức năng thuộc quyền phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về lữih vực thuộc thẩm quyền ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật

***Câu hỏi 107:* Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phối hựp bảo vệ tài nguyên, môi trường ở khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lờỉ:

Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong trong phối họp bảo vệ tài nguyên, môi trường ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khoản 1 quy định: Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thông báo cho Bộ đội Biên phòng tình hình hoạt động có liên quan đến bảo vệ tài nguyên, môi trường ở khu vực biên giới, cửa khẩu; trao đổi, cung cấp thông tin cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn phục vụ nhiệm vụ của Bộ đội Biên phòng.
2. Khoản 3 quy định: Áp dụng các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trương, các hệ sinh thái ở khu vực biên giới; dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia, thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai; kiểm tra, giám sát, khắc phục, giải quyết hậu quả sự cố môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học ở khu vực biên giới.

***Câu hỏi 108:* Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong phối họp phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lờỉ:

Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong trong phối hợp phòng, chống tội phạm ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 15 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Khoản 2 quy định: Chỉ đạo lực lượng chức năng thuộc quyền phối hợp với Bộ đội Biên phòng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về môi trường ở khu vực biên giới, cửa khẩu; bảo vệ an ninh, an toàn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đối với các công trình, phương tiện và hoạt động của các trạm quan trãc khí tượng thủy văn quôc gia tại khu vực biên giới, cửa khẩu.
2. Khoản 4 quy định: Bàn giao hồ sơ, đối tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của Bộ đội Biên phòng; tiếp nhận hồ sơ, đôi tượng, phương tiện, tang vật vi phạm pháp luật thuộc thẩm quyền xử lý của lực lượng chức năng thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường do Bộ đội Biên phòng chuyển giao.
3. Khoản 5 quy định: Hỗ trợ, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng nâng cao trình độ về công tác chuyên môn, nghiệp vụ chuyên ngành tài nguyên, môi trường đê xác định các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên, môi trường, khắc phục sự cố môi trường ở khu vực biên giới thuộc thẩm quyền của Bộ đội Biên phòng theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 109:* Trách nhiệm của Bộ Thông tín và Truyền thông trong phối hợp chia sẻ, kết nối thông tin thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông trong phối hợp chia sẻ, kết nối thông tin thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan cung cấp tài liệu phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và thông tin đối ngoại bằng tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Lào, tiếng Campuchia, tiếng Trung Quốc và tiếng dân tộc thiểu số.
2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền kết nối hệ thống thông tin phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh ở khu vực biên giới, cửa khẩú; trao đổi, cung cấp cho Bộ đội Biên phòng những thông tin, tài liệu cần thiết trong sử dụng mạng di động phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khẩu; tần số vô tuyến điện; tuyến cáp viễn thông khi Bộ đội Biên phòng yêu cầu.

***Câu hỏi 110:* Trách nhiệm của Bộ Y tế trong phối hợp khám chữa bệnh, phòng chống dịch bênh ờ khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Y tế trong phối hợp khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại Điều 17 Nghị định số 106/20\*21/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động kết hợp quân dân y khám bệnh, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh qua biên giới và ở khu vực biên giới, cửa khẩu.
2. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, lực lượng chức năng thuộc quyền thông báo, cung cấp kịp thời cho Bộ đội Biên phòng các thông tin, tài liệu vi phạm pháp luật về lĩnh vực y tế ở khu vực biên giới, cửa khẩu.
3. Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ về y tế cho cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng tham gia hoạt động kết hợp quân dân y chăm sóc, bảo vệ, nâng cao sức khỏe Nhân dân và lực lượng vũ trang ở khu vực biên giói, cửa khẩu.

***Câu hỏi 111:* Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong phối hợp phát triển giáo dục đào tạo ở khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong phối hợp phát triển giáo dục đào tạo ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại Điều 18 Nghị định số 106/20\*21/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục, đào tạo ở khu vực biên giới.
2. Chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền triển khai các dự án đầu tư cho giáo dục, đào tạo ở khu vực biên giới; hướng dẫn thực hiện chính sách bồi dưỡng, đãi ngộ đối với cán bộ Bộ đội Biên phòng tham gia các chương trình, dự án giáo dục, đào tạo ở khu vực biên giới thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.
3. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng tham gia các chương trình, dự án giáo dục, đào tạo ở khu vực biên giới; tổ chức dạy tiếng dân tộc thiểu số, ngoại ngữ cho Bộ đội Biên phòng và lực lượng chức năng ở khu vực biên giới, cửa khẩu.
4. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, thành phố có biên giới quốc gia phối hợp với Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tổ chức tập huấn cho cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng về tiếng dân tộc thiểu số, nghiệp vụ sư phạm.

***Câu hỏi 112:* Trách nhiệm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong phối hợp bảo tồn, quản lý, khai thác, phát triển các giá trị văn hóa, du lịch ớ khu vực biên giới, cửa khẩu?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch trong phối hợp bảo tồn, quản lý, khai thác, phát triên các giá trị văn hóa, du lịch ở khu vực biên giới, cửa khẩu được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Nghị định số 106/2021/NĐ- CP, cụ thể như sau:

1. Chủ trì, phối họp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, chính quyên địa phương câp tỉnh nơi có biên giới quôc gia thực hiện chính sách về bảo tồn, phát huy, phát triển các giá trị văn hóa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam ở khu vực biên giới; tổ chức thực hiện quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia, vùng du lịch, địa bàn du lịch trọng điểm, khu du lịch quốc gia ở khu vực biên giới.
2. Chỉ đạo cơ quan chức năng thuộc quyền cung cấp cho Bộ đội Biên phòng những thông tin, tài liệu về quản lý khu du lịch quốc gia, các sự kiện, hội chợ, hội thảo, triên lãm, chương trình hoạt động đôi ngoại vê văn hóa, gia đình, thê thao và du lịch, hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, lưu trú du lịch và dịch vụ du lịch khác ở khu vực biên giới, cửa khẩu.

***Câu hỏi 113:* Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thưong binh và Xã hội trong phôi hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội trong phối họp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 20 Nghị định số /2Ỏ21/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững, các chương trình, đề án trợ giúp xã hội ở khu vực biên giới.
2. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ liên quan cho cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng tham gia Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chương trình, đề án trợ giúp xã hội ở khu vực biên giới thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

***Câu hỏi 114:* Trách nhiệm của Bộ Nội vụ trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Nội vụ trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 21 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương câp tỉnh nơi có biên giới quôc gia hướng dân thực hiện quy hoạch, kê hoạch, chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ Bộ đội Biên phòng tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở khu vực biên giới.
2. Phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng trong hướng dẫn thực hiện chính sách, chế độ tiền lương đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp Bộ đội Biên phòng khi được tuyển dụng, tiếp nhận, điều động, biệt phái làm việc trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà nước theo yêu cầu nhiệm vụ biên phòng.
3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước, Chính phủ về thi đua khen thưởng; danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng đối với tập thể, cá nhân tham gia thực thi nhiệm vụ biên phòng.
4. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính rà soát, quy định, hướng dẫn đảm bảo chế độ đặc thù đối với cán bộ, chiến sĩ Bộ đội Biên phòng được quy định tại Điều 4 Nghị định này.

***Câu hỏi 115:* Trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 22 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác xây dựng pháp luật về biên phòng; phối họp với Bộ Quốc phòng theo dõi thi hành pháp luật về biên phòng.
2. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đổn đốc việc thực hiện công tác kiểm tra, rà soát, hệ .thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về biên phòng.

***Câu hỏỉ 116:* Trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong phối hựp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lởi:

Trách nhiệm của Bộ Xây dựng trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 23 Nghị định số 106/202l/NĐ.-CP, cụ thể như sau:

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia trong việc lập, trình cấp có thẩm quyền quy hoạch xây dựng vùng liên tỉnh, vùng chức năng đặc thù có yếu tố an ninh, quốc phòng ở khu vực biên giới, cửa khẩu.
2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư xây dựng quan trọng, công trình trọng điểm quốc gia ở khu vực biên giới, cửa khẩu theo quy định của pháp luật.

***Câu hỏi 117:* Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 24 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành liên quan, chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi có biên giới quốc gia trong thực hiện phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ 05 (năm) năm và hằng năm, thúc đẩy việc phát triển lĩnh vực quốc phòng, an ninh, quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trọng điểm trên cơ sở ứng dụng, đổi mới và làm chủ công nghệ, phát triển công nghệ mới, công nghệ cao.
2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng trong hướng dẫn xây dựng kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ cho việc phát triển kết cấu hạ tâng kỹ thuật khu vực biên giới, cửa khâu và chức năng quản lý, bảo vệ biên giới quôc gia.

***Câu hỏi 118:* Trách nhỉệm của Uỷ ban Dân tộc của Chính phủ trong phôi hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Ưỷ ban Dân tộc của Chính phủ trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tạỉ khoản 1 Điều 25 Nghị định số 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành liên quan xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách dân tộc, chính sách đặc thu, các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội hỗ trợ giảm nghèo ở các xã, thôn, bản có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số khu vực biên giới.
2. Phối hợp với Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số vận động quần chúng bảo vệ an ninh biên giới, xây dựng nông thôn mới, xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ hủ tục lạc hậu.
3. Phối hợp với Bộ Quốc phòng củng cố, tăng cường tình hữu nghị của cộng đồng các dân tộc thiểu số trên tuyến biến giới; tổ chức giao lưu, trao đổi kinh nghiêm giữa đại biểu các dân tộc thiểu số, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biến giới góp phần tăng cường đối ngoại nhân dân, xây dựng thế trận lòng dân.

***Câu hỏi 119:* Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp nơi cỏ biên giới quốc gia trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp nơi có biên giới quốc gia trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định sổ 106/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Lập dự toán trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bảo đảm ngân sách từ các nguồn để thực thi nhiệm vụ biên phòng, xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân của địa phương và xây dựng Bộ đội Biên phòng.
2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan triền khai thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực biên giới; triển khai thực hiện xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân và Ngày biên phòng toàn dân ở khu vực biên giới.
3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, cơ quan liên quan xử lý tình huống an ninh, trật tự ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật; phối hợp với Bộ Quốc phòng xử lý các tình huống quân sự, quốc phòng ở khu vực biên giới.
4. Chủ trì huy động lực lượng, phương tiện tại địa phương thực hiện tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn ở khu vực biên giới theo quy định của pháp luật. Phối họp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan liên quan tổ chức huy động lực lượng, phương tiện dân sự tham gia phòng, chống, ứng phó, khắc phục sự cố, thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh.
5. Chủ trì, phối họp với các cơ quan, đơn vị Quân đội, Công ari xây dựng phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới, cửa khâu.
6. Chỉ đậo các cơ quan, lực lượng chức năng thuộc quyền phối hợp với Bộ đội Biên phòng tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, bảo vệ đường biên giới, hệ thống mốc quốc giới, công trình biên giới, cửa khẩu; duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đểu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật ở khu vực biên giới, cửa khâu theo quy định của pháp luật.
7. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ đội Biên phòng thực hiện các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ, đối ngoại ở khu vực biên giới; thực hiện chính sách hậu phuơng, quân đội.
8. Bảo đảm việc giao đất, cho thuê đất, hỗ trợ về nhà ở, việc làm và các chính sách khác cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng thuộc Bộ đội Biên phòng định cư lâu dài ở khu vực biên giới, hải đảo theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

***Câu hỏi 120:* Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân các cấp noi không có biên giới quốc gia trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng?**

Trả lời:

Trách nhiệm của Ưỷ ban nhân dân các cấp nơi không có biên giới quốc gia trong phối hợp thực thi nhiệm vụ biên phòng được quy định tại Điều 27 Nghị định số 101/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ đội Biên phòng, cơ quan, tổ chức có liên quan thực thi nhiệm vụ biên phòng, xây dựng nền biên phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh.
2. Triển khai thực hiện có hiệu quả Ngày biên phòng toàn dân tại địa phương mình.
3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị Quân đội thực hiện chính sách hậu phương quân đội./.